TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DMC** TỈNH TN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/DS-ST
Ngày: 21-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DMC - TỈNH TN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Tòng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Tự;

2. Bà Trịnh Thúy Cơ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện DMC.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC tham gia phiên tòa*:** Bà Lâm Phượng Tú.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện DMC, TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXX–ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồng Thị Thanh Đ, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: 36/7, tổ 7B, khu phố NH, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Kiều N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Tổ 1, ấp NB, xã BN, Huyện DMC, tỉnh TN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; địa chỉ cư trú: Số 6, đường SĐ-Khedol, ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh TN; là người đại diện theo ủy quyền; văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 8 năm 2019; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án chị Hồng Thị Thanh Đ trình bày:

Chị và chị N là bạn học với nhau, chị N vay tiền của chị 02 lần, cụ thể:

+Ngày 12-7-2017 DL chị N vay số tiền 170.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 12-7-2018; chị viết 01 giấy nợ, chị N ký và ghi họ tên.

+Ngày 12-3-2018 DL chị N vay tiếp số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 12-3-2019; chị N viết giấy nhận nợ ký và ghi họ tên.

02 lần vay tiền các bên có thỏa thuận miệng trả lãi hàng tháng với mức lãi suất 1,5 %/tháng, nhưng chị N chưa trả cho chị được khoản tiền lãi nào; tuy nhiên nay chị không có tài liệu chứng cứ thể hiện việc này. Đến từng thời hạn trả nợ như đã cam kết chị đòi tiền chị N nhiều lần nhưng không trả kéo dài cho đến nay. Do đó, chị yêu cầu chị N trả cho chị số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng và tiền lãi, cụ thể:

+ Số tiền 170.000.000 đồng tính lãi từ ngày 13-7-2018 đến ngày xét xử là 16 tháng 08 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 20.740.000 đồng.

+ 120.000.000 đồng tính lãi tính lãi từ ngày 13-3-2019 đến ngày xét xử là 08 tháng 08 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.440.000 đồng.

Tổng cộng, tiền lãi là 28.180.000 đồng.

Tiền chi phí giám định chị đã ứng 2.040.000 đồng nay yêu cầu chị N hoàn trả số tiền 2.040.000 đồng cho chị.

Tại biên bản hòa giải ngày 05-11-2019 (bút lục số 61, 62) anh Nguyễn Hoàng L là người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Kiều N trình bày:

Chị N đồng ý trả cho chị Đ số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 12-3-2018 DL, không đồng ý trả tiền lãi như chị Đ yêu cầu.

Đối với số tiền 170.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 12-7-2017 DL thì chị N không đồng ý với kết quả giám định vì chị N xác định không có ký và ghi họ tên trên giấy nhận nợ này, ngoài ra theo chị N trình bày thì khi chị N và chị Đ giao dịch với nhau thì người nào vay hoặc thỏa thuận gì thì người đó tự ghi và ký tên, còn giấy nợ này thì chị Đ lại là người ghi trong khi có nội dung là chị N vay không phải ghi trên giấy tập học sinh như thông thường giữa các bên, do đó tài liệu này không có thật. Chị N sẽ yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định lại đối với tài liệu này. Nếu kết quả giám định lại cũng là chữ ký của chị N thì Tòa án cứ xem xét theo quy định của pháp luật.

Kết luận giám định số 1486/KL-KTHS ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN kết luận: Chữ viết, chữ ký mang tên "Lê Thị Kiều N" trên tài liệu "ghi ngày 12-7-2017 số tiền 170.000.000 đồng" (bút lục số 34) và tài liệu "ghi ngày 12-3-2018 số tiền 120.000.000 đồng" (bút lục số 33) là của chị Lê Thị Kiều N viết và ký ra. Các đương sự không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện DMC, tỉnh TN*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ; tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Chị Đ khởi kiện yêu cầu chị N trả các khoản tiền chị N vay; căn cứ các khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[1.2.] Anh Nguyễn Hoàng L là người đại diện hợp pháp của bị đơn; có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Căn cứ vào Kết luận giám định số 1486/KL-KTHS ngày 20 tháng 10 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN (bút lục số 55) có cơ sở xác định việc chị N có vay tiền của chị Đ khoản tiền 120.000.000 đồng và 170.000.000 đồng là thật.

[2.2.] Người đại diện hợp pháp của chị N đồng ý trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng cho chị Đ, không đồng ý trả tiền số tiền 170.000.000 đồng vì cho rằng: Chị N không ký và ghi họ tên trên giấy nhận nợ này, ngoài ra khi chị N và chị Đ giao dịch với nhau thì người nào vay hoặc thỏa thuận gì thì người đó tự ghi và ký tên, còn giấy nợ này thì chị Đ lại là người ghi trong khi có nội dung là chị N vay không phải ghi trên giấy tập học sinh như thông thường giữa các bên. Thấy rằng, lời nại ra không có cơ sở nên không chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn yêu cầu giám định lại đối với giấy nhận nợ ngày 12-7-2017 số tiền 170.000.000 đồng; thấy rằng, kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN đã đảm bảo đúng quy định của Luật giám định nên được xem là chứng cứ theo quy định tại khoản 6 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án ban hành Quyết định trưng cầu giám định từ yêu cầu của chị Đ khi chị N cho rằng không ký tên trên 02 giấy nhận nợ này nhưng Kết luận giám định thể hiện chị N là người ký và ghi họ tên dưới mục ghi "Người mượn" trong 02 tài liệu trên. Do đó, xét thấy không có căn cứ giám định lại theo quy định tại khoản 5 Điều 102 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3.] Từ những phân tích trên, cần buộc chị N trả số tiền 120.000.000 đồng và 170.000.000 đồng cho chị Đ và tiền lãi cụ thể:

+ Số tiền 170.000.000 đồng tính lãi từ ngày 13-7-2018 đến ngày 21-11-2019 là 16 tháng 08 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 20.740.000 đồng.

+ 120.000.000 đồng tính lãi tính lãi từ ngày 13-3-2019 đến ngày 21-11-2019 là 08 tháng 08 ngày, lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 7.440.000 đồng.

Là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Huyện DMC, tỉnh TN tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Căn cứ các các Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N phải chịu chi phí giám định là 2.040.000 đồng; do chị Đ đã tạm ứng trước số tiền trên, nên chị N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể: 5% X 318.180.000 đồng = 15.909.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồng Thị Thanh Đ đối với chị Lê Thị Kiều N về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Chị Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ trả cho chị Hồng Thị Thanh Đ số tiền 318.180.000 (ba trăm mười tám triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 290.00.000 (hai trăm chín mươi triệu) đồng và 28.180.000 (hai mươi tám triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Kiều N có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Hồng Thị Thanh Đ chi phí giám định là 2.040.000 đồng.

3. Án phí DSST:

Chị Lê Thị Kiều N phải chịu 15.909.000 (mười lăm triệu chín trăm lẽ chín ngàn) đồng.

Chị Hồng Thị Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, Chi cục thi hành án dân sự hoàn trả lại cho chị Đ số tiền 8.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp tại Biên lai số 0003534 ngày 23 tháng 7 năm 2019.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

TRẦN THANH TÒNG